



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 4)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4)

*(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)*

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Hoá**

Laboratory: ***Chemical Testing Laboratory***

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc**

Organization: ***Northern Electrical Testing one member Company Limited***

Số hiệu/ Code: **VILAS 272**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực
Field **Hóa**
Chemical

Người quản lý
Laboratory manager **Nguyễn Quang Khanh**
Nguyen Quang Khanh

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /11/2025 đến ngày 28/11/2030**

Địa chỉ / Address: **465 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội**
465 Nguyen Van Linh Street, Phuc Loi Ward, Hanoi City

Địa điểm / Location: **465 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội**
465 Nguyen Van Linh Street, Phuc Loi Ward, Hanoi City

Điện thoại/ Tel: **0243 8759361**

E-mail:

Website **npcetc.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 4)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4)***Phòng thí nghiệm Hoá/ Chemical Testing Laboratory****Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá***Field of Testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Dầu cách điện <i>Insulating oil</i>	Xác định nhiệt độ chớp cháy cốc kín <i>Determination of flash point Pensky- Martens closed cup (PMCC)</i>	40 ⁰ C ~ 360 ⁰ C	ASTM D 93-25
2.		Xác định hàm lượng ẩm trong dầu <i>Determination of water content in oil</i>	2,2 microgam	IEC 60814:1997
3.		Xác định điện áp đánh thủng <i>Determination the breakdown voltage</i>	Đến/ upto 100 kV	IEC 60156:2025
4.		Xác định tổn hao điện môi <i>Determination of the dielectric dissipation factor</i>	10 ⁻⁵ ~ 4,910	IEC 60247:2004
5.		Phân tích khí hòa tan trong dầu cách điện. Kỹ thuật GC <i>Analysis of dissolved gases in oil GC technique</i>	H2: 23 ppm O2: 1704 ppm N2: 2704 ppm CH4: 12 ppm CO: 16 ppm CO2: 32 ppm C2H4: 9 ppm C2H6: 18 ppm C2H2: 9 ppm	ASTM D3612-02(2017) <i>Method B</i>
6.		Xác định trị số axit <i>Determination of acid number</i>	A ≤ 2,0 mgKOH/g	ASTM D974-22 IEC 62021-2:2007
7.		Đếm số lượng và cỡ hạt tạp chất trong dầu <i>Counting and sizing particles</i>	ISO 4406: 01-23 NAS 1638: 00- 12	IEC 60970:2007
8.		Xác định độ nhớt động học <i>Determination of kinematic viscosity</i>	(3 ~ 15) mm ² /s (cSt)	ASTM D445-24
9.	Khí cách điện <i>Insulating gases</i>	Xác định hàm lượng hơi nước bằng phương pháp đo điểm sương <i>Determination of water content by measurement of dew point</i>	DP: (-60 ~ 20) ⁰ C	ASTM D2029- 97(2017) Method D
10.	Nhiên liệu rắn <i>Solid fuels</i>	Xác định nhiệt trị bằng bom nhiệt lượng <i>Determination of gross calorific value by Bomb Calorimeter</i>	Đến/to: 8000 Cal	TCVN 200:2011 ASTM D5865-19

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 4)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4)***Phòng thí nghiệm Hoá/ Chemical Testing Laboratory**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
11.	Vỏ cáp điện PE <i>PE cable sheath</i>	Xác định hàm lượng các bon đen trong vỏ cáp điện chế tạo từ nhựa Polyetylen <i>Measurement of carbon black and/or mineral filler in polyethylene compounds</i>	(0,3~85,5) %	IEC 60811- 605: 2012 TCVN 5936 : 1995
12.	Dầu tuốc bin, thủy lực (dầu bôi trơn) <i>Turbine oil, Hydraulic oil (Lubrication oil)</i>	Xác định độ nhớt động học <i>Determination of kinematic viscosity</i>	(20 ~ 100) mm ² /s (cSt)	ASTM D445-24
13.		Xác định trị số a xít <i>Determination of acid number</i>	Đến/ To 2,0 mg KOH/g	ASTM D974-22
14.		Xác định hàm lượng ẩm trong dầu <i>Determination of water content in oil</i>	10 µg ~ 200 mg H ₂ O	ASTM D6304-25
15.		Xác định hàm lượng tạp chất cơ học trong dầu <i>Determination of the particulate contamination level in oil</i>	ISO 4406: 01-23 NAS 1638: 00- 12	ISO 11500:2022

Ghi chú / Note:

- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hoá Quốc tế/ International Organization for Standardization
- IEC: Ủy ban kỹ thuật điện Quốc tế/ International Electrotechnical Commission
- ASTM: Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ/ American Society for Testing and Materials
- NPCETC.CA/QT...: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ Laboratory developed method

Trường hợp Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *If It is mandatory for the Northern Electrical Testing one member Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

